

Số: 224/GPMT-STNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 31 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo ý kiến của Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với dự án “Nâng công suất Chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương – Xưởng may Bình Chánh từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 24 triệu sản phẩm/năm” của Công ty TNHH May thêu Thuận Phương tại địa chỉ D15/8 đường Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Hội đồng thẩm định và kiểm tra ngày 13 tháng 9 năm 2023;

Xét đề nghị của Công ty TNHH May thêu Thuận Phương tại Công văn số 136/2024/PDAXD-TPBC ngày 05 tháng 03 năm 2024 về đề nghị cấp giấy phép môi trường và Công văn số 62/024/TP.BC về giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất Chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương – Xưởng may Bình Chánh từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 24 triệu sản phẩm/năm” tại địa chỉ số 191 đường Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ là D15/8 đường Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Phiếu trình số 245 /TTr-CCBVMT-KSON ngày 14 tháng 03 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH May thêu Thuận Phương địa chỉ tại số 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nâng công suất Chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương – Xưởng may Bình Chánh từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 24 triệu sản phẩm/năm” tại số 191 đường Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nâng công suất Chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương – Xưởng may Bình Chánh từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 24 triệu sản phẩm/năm.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: số 191 đường Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ là D15/8 đường Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh).
- 1.3. Địa chỉ trụ sở chính: số 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0301339188 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03 tháng 3 năm 2023.
- 1.5. Mã số thuế: 0301339188.
- 1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm dệt may; không có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).
- Tổng diện tích của dự án: 4.011,4 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00029 ngày 08 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).
- Quy mô: dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.
- Công suất: quần áo trẻ em, quần áo người lớn, áo khoác, quần dài với công suất 24 triệu sản phẩm/năm.
- Quy trình sản xuất: Bán thành phẩm sau cắt và được đánh số → May → Ủi → Kiểm tra thành phẩm → Đóng gói và đóng thùng → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH May thêm Thuận Phương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH May thêm Thuận Phương có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc

xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan khác.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Giấy phép môi trường này là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chủ dự án thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 42 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, chủ dự án phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép để được xem xét, giải quyết. Trường hợp Giấy phép này có nội dung thay đổi hoặc giấy phép hết hạn, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH May thêu Thuận Phương;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- UBND huyện Bình Chánh;
- UBND xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh;
- Trang thông tin điện tử của Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT. H. 07.

026

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Mỹ



PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 224 /GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1 Nước thải sinh hoạt, bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, bồn tiểu tại nhà vệ sinh (xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 3 ngăn).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn (không có nấu ăn) và nước rửa sàn, lavabo.

1.2 Nước thải công nghiệp, bao gồm:

- Nguồn số 03: Nước thải từ xả cặn thải nồi hơi điện.
- Nguồn số 04: Nước thải từ lau chùi, vệ sinh sàn nhà xưởng; rửa sàn và vệ sinh thùng rác sinh hoạt của khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.
- Nguồn số 05: Nước thải từ vệ sinh rửa lọc hệ thống lọc RO.
- Nguồn số 06: Nước thải từ vệ sinh bồn chứa và xả cặn hệ thống làm mát Cooling Pad.

Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, Phosphat, Sunfua, Amoni, dầu mỡ động thực vật, các chất hoạt động bề mặt, tổng chất rắn hòa tan, tổng Coliform.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Đinh Đức Thiện tại số 191 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả thải tại số 191 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°): X = 1.179.199; Y = 590.102.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 150 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý (sau hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày) phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và được bơm tự động theo đường ống PVC đường kính D34 vào hố ga nội bộ, sau đó đầu nổi và tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Đinh Đức Thiện bằng đường ống PVC DN200 dài 12 m.

2.3.2 Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Chủ dự án đề xuất quan trắc nước thải định kỳ, tần suất 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
9	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, bồn tiểu sau xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 3 ngăn (tương ứng với nguồn 01) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn (không có nấu ăn) và nước rửa sàn, lavabo (tương ứng với nguồn 02) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất, bao gồm: Nước thải từ xả cặn thải nồi hơi điện; Nước thải từ lau chùi, vệ sinh sàn nhà xưởng; rửa sàn và vệ sinh thùng rác sinh hoạt của khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt; Nước thải từ vệ sinh rửa lọc hệ thống lọc RO; Nước thải từ vệ sinh bồn chứa và xả cặn hệ thống làm mát Cooling Pad (tương ứng với các nguồn 03, 04, 05, 06) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 03 bể.

- Vị trí và công suất thiết kế: 02 bể tại khu nhà xưởng sản xuất (thể tích mỗi bể 20,3 m³), 01 bể tại sân đường nội bộ lối vào nhà xưởng gần hệ thống xử lý nước thải (thể tích 13,5 m³).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc, sau đó nước thải được thu gom theo đường ống Ø114 về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm. Bùn thải từ bể tự hoại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm: Nước thải (nguồn số 01 đến nguồn số 06) → Bể thu gom/tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí tiếp xúc MBBR → Bể lọc màng MBR → Hồ ga quan trắc nội bộ → Hồ ga thoát nước chung của thành phố trên đường Đinh Đức Thiện. Bùn thải → Bể chứa bùn → Đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javel, Mật rỉ đường, NaOH và H₂SO₄.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố nước thải:

- Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường cống rãnh, đường ống thoát nước, hồ ga để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước và loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Khi phát hiện hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại bể xử lý nước thải thì dừng sản xuất của toàn bộ nhà máy




để tiến hành khắc phục.

1.4.2. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Khi phát hiện sự cố, hệ thống van xả nước thải đóng lại và dừng việc xả thải ra môi trường bên ngoài; Nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời tại bể điều hòa (dung tích 48 m³) của hệ thống xử lý công suất 150 m³/ngày. đêm; đồng thời điều hành sản xuất nhằm giảm lượng nước thải phát sinh và tiến hành khắc phục, sửa chữa. Trường hợp không còn khả năng lưu chứa thì dừng sản xuất toàn bộ nhà máy để khắc phục.

- Nhân viên kỹ thuật tiến hành sửa chữa, khắc phục lỗi của hệ thống xử lý.

- Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, hệ thống sẽ tiếp tục xử lý phần nước lưu chứa.

- Khi hệ thống xử lý nước thải vận hành ổn định tiến hành chạy máy móc sản xuất trở lại (trường hợp phải dừng sản xuất).

- Tiến hành kiểm tra chất lượng nước thải; Mở van xả nước thải ra nguồn tiếp nhận.

- Trường hợp sự cố lớn, khẩn trương thông báo và liên hệ với các Sở, ban ngành có liên quan về sự cố và tổ chức các biện pháp khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau khi hoàn thành xây dựng công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường (Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát).

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: sau 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: nước thải đầu vào và đầu ra của của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong

dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án; xả thải đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải; hồ ga giám sát nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra. Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xây dựng hệ thống xử lý.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.






PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 224 /GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Nguồn số 01: X = 1.179.224, Y = 590.048;

- Nguồn số 02: X = 1.179.147, Y = 590.125;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung; Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết; Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc định kỳ.

- Các máy thổi khí được lắp đặt trong phòng kín có hệ thống thông thoáng nhằm hạn chế tiếng ồn.

- Công nhân phải được trang bị đồ bảo hộ lao động, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc lâu với tiếng ồn.

- Bố trí thời gian nhập xuất nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Giới hạn tốc độ di chuyển của các phương tiện giao thông, hạn chế bóp còi trong khu vực dự án để giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.





PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,

PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 224 /GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	236
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	90
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	120
5	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	35
6	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	3
7	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	2
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	2
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như	18 01 02	10

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
	amiang) thải		
10	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	6
11	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) (rác thải y tế như bông, băng,...)	13 01 01	15
12	Dược phẩm gây độc tế bào thải (Dược phẩm thải bỏ có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất)	13 01 03	5
13	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit) (Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc)	18 01 04	2
	Tổng khối lượng		531

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải vụn (bao bì vải đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 10	78.336
2	Bao bì nylon (bao bì nhựa đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	14.112
3	Thùng carton, giấy, lõi vải (giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ)	18 01 05	82.368
4	Lõi chỉ, nhựa các loại (chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý)	10 02 10	19.008
5	Tấm màng MBR của hệ thống xử lý nước thải (chất thải từ thiết bị sàng lọc)	12 06 09	75
6	Tấm làm mát Cooling Pad của hệ thống làm mát Cooling Pad (giấy và bao bì giấy các)	18 01 05	485

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
	tông thải bỏ)		
	Tổng khối lượng		194.384

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	5.940
	Tổng khối lượng		5.940

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	226,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy, khay nhựa, can có nắp đậy.
- Các thùng chứa có dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 6,8 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kết cấu tường gạch, mái tôn, nền bê tông lót gạch đảm bảo chống thấm, có cửa ra vào, có rãnh thu gom chất thải lỏng, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của

pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng, giẻ lau để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều..

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì mềm, thùng giấy có nắp đậy, pallet nhựa, pallet gỗ.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 11 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái che, tường gạch, nền bê tông lót gạch; có cửa, có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa; có dán biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa chất thải theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các loại thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: mái tôn, nền tấm thép, có gờ chắn để ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong kho, tường vách tôn bao quanh, có cửa ra vào; có dán biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa chất thải theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



17/11/2022

**PHỤ LỤC 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 224 /GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

1. Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 202/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 21 tháng 2 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nâng công suất xưởng may Bình Chánh, công suất từ 1,9 triệu lên 6 triệu sản phẩm/năm” của Công ty TNHH May thuê Thuận Phương tại xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc dự án “Nâng công suất Chi nhánh Công ty TNHH May thuê Thuận Phương – Xưởng may Bình Chánh, từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 24 triệu sản phẩm/năm” chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung về công suất sản xuất, hạng mục xây dựng cải tạo như sau:

- Sản xuất hàng may mặc với công suất 24 triệu sản phẩm/năm.
- Sắp xếp, bố trí lại một số phân khu chức năng bên trong nhà xưởng (đảm bảo trên phần diện tích đất là 4.011,4 m²) và lắp đặt thêm máy móc, thiết bị sản xuất phục vụ giai đoạn nâng công suất.
- Thực hiện cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải hiện hữu công suất từ 70 m³/ngày.đêm lên 150 m³/ngày.đêm.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát là khí thải phát sinh từ nồi hơi điện (23 nồi hơi điện, công suất 76kg/giờ/nồi hơi) được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường. Nồi hơi điện phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là điện (nhiên liệu sạch), thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty chịu toàn bộ trách nhiệm đối với chất thải phát sinh tại dự án.

4. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định hiện hành.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

